

Số: 07/2013/QĐ-SGDHCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG  
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

### **TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 2644/QĐ-BTC ngày 06/08/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Công văn số 3827/UBCK-PTTT ngày 10/07/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐQT ngày 19/07/2013 của Hội đồng quản trị SGDCK TPHCM về việc chấp thuận ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố Thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2010/QĐ-SGDHCM ngày 13/12/2010 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Giám đốc phòng Hành chính Tổng hợp, Giám đốc Phòng Quản lý và Thẩm định Niêm yết, Giám đốc các phòng, ban thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBCKNN (để báo cáo);
- TTLKCK;
- Lưu HCTH, NY.

**Phan Thị Tường Tâm**

**QUY CHẾ**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 07 năm 2013 của  
Tổng giám đốc SGDCK TPHCM)

**Chương 1.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng công bố thông tin**

Đối tượng công bố thông tin trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

1. Tổ chức niêm yết;
2. Công ty chứng khoán thành viên;
3. Công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết hoặc quản lý công ty đầu tư chứng khoán niêm yết;
4. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán niêm yết;
5. Cổ đông lớn; nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết; cổ đông sáng lập; cổ đông nội bộ; nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết; người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt**

1. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2. SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
3. CBTT: công bố thông tin
4. Công ty quản lý quỹ: công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết hoặc quản lý công ty đầu tư chứng khoán niêm yết.
5. Công ty quản lý quỹ niêm yết: là công ty quản lý quỹ có chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin**

Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 3 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Việc công bố thông tin của tổ chức được quy định tại Điều 1 Quy chế này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

Ngoài ra, đối tượng công bố thông tin phải thực hiện các nội dung sau:

1. Việc ủy quyền công bố thông tin

1.1. Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư 52/2012/TT-BTC:

a. Các đối tượng công bố thông tin tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quy chế này phải gửi các tài liệu sau đến SGDCK:

- Giấy ủy quyền thực hiện CBTT theo mẫu Phụ lục I kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC
- Sơ yếu lý lịch theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 kèm theo Quy chế này hoặc Bản Thông tin cá nhân đối với công ty chứng khoán thành viên theo mẫu Phụ lục IV kèm theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán của người được ủy quyền công bố thông tin.

b. Khi có sự thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin tại tiết a điểm 1.1 Khoản này phải gửi các tài liệu sau đến SGDCK ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi có sự thay đổi:

- Thông báo thay đổi bằng văn bản theo mẫu CBTT/SGDHCM-02 kèm theo Quy chế này

- Các tài liệu như tại tiết a điểm 1.1 Khoản này của người được ủy quyền công bố thông tin sau khi thay đổi.

c. Đối tượng công bố thông tin phải bổ sung danh sách người có liên quan của người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế này trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực.

1.2. Trường hợp các đối tượng công bố thông tin tại Khoản 5 Điều 1 Quy chế này được phép ủy quyền cho tổ chức niêm yết/ công ty chứng khoán thành viên/ thành viên lưu ký chứng khoán/ tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện công bố thông tin:

Các đối tượng được ủy quyền khi thực hiện công bố thông tin thay cho bên ủy quyền phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.

2. Các đối tượng công bố thông tin nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quy chế này phải đăng ký thông tin liên hệ bằng văn bản với SGDCK theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm theo Quy chế này bao gồm địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ e-mail dùng để nhận và công bố thông tin đến SGDCK.

Trường hợp có sự thay đổi thông tin đã đăng ký, các đối tượng công bố thông tin nêu trên phải thông báo bằng văn bản theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm theo Quy chế này đến SGDCK trong vòng ba (03) ngày làm việc trước khi sự thay đổi có hiệu lực.

3. Tổ chức niêm yết phải đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin theo quy định tại điểm 1.2 Khoản 1 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm theo Quy chế này.

4. Các đối tượng công bố thông tin nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quy chế này phải gửi thông tin cần công bố đến UBCKNN, SGDCK theo mẫu CBTT/SGDHCM-06 kèm theo Quy chế này.

5. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên trang thông tin điện tử (website) và/hoặc báo cáo thường niên, các ấn phẩm khác của đối tượng công bố thông tin.

6. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email đã đăng ký hoặc cổng thông tin điện tử của SGDCK), ngày SGDCK nhận thông tin công bố bằng văn bản đầy đủ và hợp lệ theo dấu công văn đến của SGDCK.

7. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

8. Việc công bố thông tin phải đúng mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8.1. Trường hợp các đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố đến SGDCK sai mẫu hoặc chưa đầy đủ/ chính xác các thông tin theo quy định, SGDCK sẽ không công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

8.2. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm theo dõi website của SGDCK và thực hiện điều chỉnh thông tin theo đúng quy định.

#### **Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Ngoài ra, việc công bố thông tin phải phù hợp với các quy định sau:

1.1. Thông tin công bố/ báo cáo thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử đáp ứng các điều kiện sau:

a. Đối với thông tin dưới hình thức văn bản:

- Văn bản phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ trên đó thể hiện:

+ Chữ ký của người công bố thông tin/báo cáo đối với cá nhân:

+ Xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, chữ ký, đóng dấu đối với tổ chức.

- Các đối tượng công bố thông tin sẽ chuyển văn bản hợp lệ đến SGDCK qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trường hợp thông tin được gửi qua fax, email, cổng CBTT điện tử... văn bản hợp lệ phải được gửi đồng thời đến SGDCK.

b. Các thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử:

- Dữ liệu điện tử được gửi đến SGDCK thông qua địa chỉ email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do SGDCK qui định. Các thông tin bằng dữ liệu điện tử phải sử dụng bảng mã Unicode.

- Đối với dữ liệu điện tử định dạng file.pdf cần gửi file scan văn bản đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định tại tiết a điểm 1.1 Khoản này.

c. Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 10 MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, đối tượng công bố thông tin (trừ cá nhân quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 1 Quy chế này) phải cung cấp đường dẫn đến địa chỉ trang thông tin điện tử có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.

1.2. Về trang thông tin điện tử:

Các đối tượng công bố thông tin nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quy chế này phải lập và thực hiện công bố thông tin đầy đủ trên trang thông tin điện tử của chính mình theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư 52/2012/TT-BTC đồng thời báo cáo cho UBCKNN, SGDCK.

Ngoài ra, các đối tượng công bố thông tin nêu trên phải thực hiện như sau:

a. Nêu rõ thời điểm (ngày, giờ) của thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin.

b. Trường hợp có thay đổi liên quan đến địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc các thay đổi trên trang thông tin điện tử dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến nhà đầu tư, đối tượng công bố thông tin phải thực hiện:

- Thông báo bằng văn bản đến SGDCK trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

- Nội dung thông báo phải nêu rõ nguyên nhân, các thay đổi đã xảy ra, thời gian thay đổi và biện pháp khắc phục việc gián đoạn thông tin trong thời gian sớm nhất.

2. Tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán thành viên thực hiện công bố thông tin đến SGDCK qua cổng công bố thông tin điện tử theo nguyên tắc:

2.1. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập và mật khẩu để công bố thông tin đến SGDCK.

2.2. Thực hiện công bố thông tin theo đúng hướng dẫn của SGDCK.

## **Điều 5. Tạm hoãn công bố thông tin**

Trường hợp tạm hoãn công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

## **Điều 6. Bảo quản lưu giữ thông tin**

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu giữ thông tin theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

## **Chương 2.**

# **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

## **Điều 7. Công bố thông tin định kỳ**

Tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Ngoài ra, việc công bố thông tin báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và báo cáo tình hình quản trị công ty được thực hiện như sau:

1. Công bố thông tin báo cáo tài chính:

1.1. Báo cáo tài chính bán niên được soát xét và Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và được ký bởi kiểm toán viên được UBCKNN chấp thuận.

1.2. Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán báo cáo tài chính năm của tổ chức niêm yết theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

1.3. Ngoài báo cáo tài chính bán niên được soát xét, báo cáo tài chính năm được kiểm toán, tổ chức niêm yết phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính cả bốn (04) quý (từ quý I đến quý IV) theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

1.4. Tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ các nội dung sau: Báo cáo kiểm toán trong trường hợp có ý kiến ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính; việc từ chối kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán; kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính (nếu có) theo quy định tại điểm 1.6 Khoản 1 Điều 8 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

1.5. Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

2. Công bố thông tin Báo cáo thường niên:

2.1. Tổ chức niêm yết phải lập và công bố thông tin Báo cáo thường niên theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

a. Tổ chức niêm yết phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu Phụ lục II kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC.

b. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo thường niên là chậm nhất hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

2.2. Nội dung báo cáo thường niên phải bao gồm các giao dịch của công ty với thành viên Hội đồng quản trị và các bên liên quan theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

3. Công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty:

Tổ chức niêm yết công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm tài chính và cả năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

Ngoài ra, phương thức báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty đến UBCKNN, SGDCK được thực hiện như sau:

3.1. Báo cáo tình hình quản trị công ty gửi đến UBCKNN, SGDCK bao gồm:

a. Văn bản đầy đủ và hợp lệ kèm theo file dữ liệu điện tử để báo cáo UBCKNN, SGDCK: nội dung cung cấp đầy đủ thông tin theo mẫu Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC.

b. Một (01) file dữ liệu điện tử để công bố thông tin ra thị trường: nội dung như file dữ liệu điện tử tại tiết a điểm 3.1 Khoản này, nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân liên quan đến cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan (tại Mục III và Khoản 1 Mục IV Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC) bao gồm: Tài khoản giao dịch chứng khoán, số Chứng minh nhân dân/số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ.

c. Danh sách thay đổi người có liên quan của tổ chức niêm yết tại Mục III Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC bao gồm: danh sách thay đổi trong kỳ báo cáo của cổ đông nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này (bao gồm cả trường hợp không nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết).

d. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan tại Khoản 1 Mục IV Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC bao gồm: danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này tại thời điểm báo cáo (bao gồm cả trường hợp không nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết).

3.2. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng đầu năm tài chính và cả năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

#### **Điều 8. Công bố thông tin bất thường**

Tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 11 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Đối với các sự kiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 52/2012/TT-BTC cần có sự chấp thuận của UBCKNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, việc thực hiện công bố thông tin tính từ thời điểm tổ chức niêm yết nhận được văn bản chấp thuận từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin bất thường các nội dung như sau:

1. Tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện cụ thể như sau:

1.1. Tổ chức niêm yết khi thực hiện công bố thông tin Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.1 Khoản 4 Điều 7, điểm 1.3 và điểm 1.5 Khoản 1 Điều 8 Thông tư 52/2012/TT-BTC phải gửi kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (đối với trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tiếp) hoặc Biên bản kiểm phiếu (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

1.2. Tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát với chính thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác hoặc với những người có liên quan tới thành viên này theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Thông tư 121/2012/TT-BTC đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK.

1.3. Quyết định thay đổi phương pháp kế toán áp dụng.

1.4. Khi có thay đổi nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm 1.7 Khoản 1 Điều 8 Thông tư 52/2012/TT-BTC, tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định, đồng thời gửi cho SGDCK các tài liệu sau:

a. Tài liệu liên quan đến việc thay đổi nhân sự (nếu có)

b. Sơ yếu lý lịch theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 kèm theo Quy chế này hoặc Bản Thông tin cá nhân đối với tổ chức niêm yết là công ty chứng khoán thành viên theo mẫu Phụ lục IV kèm theo Thông tư 210/2012/TT-BTC của nhân sự chủ chốt mới.

c. Tổ chức niêm yết phải gửi bổ sung danh sách người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế này và các cam kết liên quan đến việc nắm giữ cổ phiếu (nếu có) của nhân sự chủ chốt mới trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi việc bổ nhiệm nhân sự có hiệu lực.

1.5. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành, tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin theo mẫu CBTT/SGDHCM-07 kèm theo Quy chế này. Thời điểm thay đổi được xác định như sau:

a. Là thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đối với trường hợp thay đổi đăng ký chứng khoán;

b. Là thời điểm hoàn tất giao dịch đối với trường hợp mua lại cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết hoặc bán cổ phiếu quỹ.

2. Các trường hợp công bố thông tin khác:

2.1. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trong các trường hợp sau đây, tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin theo mẫu CBTT/SGDHCM-07 kèm theo Quy chế này trong vòng mười (10) ngày làm việc đầu tiên của tháng, việc công bố thông tin thực hiện trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin:

a. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty;

b. Công ty chứng khoán là tổ chức niêm yết mua cổ phiếu lô lẻ của chính công ty theo yêu cầu của khách hàng hoặc mua cổ phiếu của chính công ty để sửa lỗi giao dịch theo quy định.

2.2. Khi thay đổi tỷ lệ góp vốn đầu tư trong công ty liên doanh/liên kết hoặc đầu tư/không còn đầu tư vào công ty con hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin theo quy định tại điểm 1.2 Khoản 1 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải công bố thông tin theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm theo Quy chế này trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

2.3. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

a. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên /bất thường chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 4.2 Khoản 4 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK.

b. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) phải gửi đến UBCKNN, SGDCK và công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 17 Thông tư 121/2012/TT-BTC.

c. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Thông tư 121/2012/TT-BTC.

2.4. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu được công bố theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

Ngoài ra, trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, tổ chức niêm yết phải nộp cho SGDCK các tài liệu sau:

a. Một (01) bản tóm tắt danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế này

b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel (file.xls hoặc file.xlsx...) danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

### **Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu**

Tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 12 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

### **Điều 10. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**

Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp tại SGDCK phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Ngoài ra, tổ chức niêm yết trái phiếu phải công bố thông tin các nội dung như sau:

1. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

2. Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

### **Chương 3.**

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẠI CHỨNG DẠNG ĐÓNG NIÊM YẾT**

### **Điều 11. Công bố thông tin định kỳ, bất thường, theo yêu cầu**

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chứng dạng đóng niêm yết theo quy định tại Điều 22 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

2. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin bất thường của quỹ đại chứng dạng đóng niêm yết theo quy định tại Điều 23 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Ngoài ra, công ty quản lý quỹ phải thực hiện công bố thông tin các nội dung sau:

2.1. Khi có thay đổi nhân sự theo quy định tại điểm 1.7 Khoản 1 Điều 19 và điểm 1.8 Khoản 1 Điều 23 Thông tư 52/2012/TT-BTC, công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin trong

vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định đồng thời gửi các tài liệu sau của nhân sự mới đến SGDCK:

- a. Sơ yếu lý lịch theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 kèm theo Quy chế này.
- b. Bổ sung các tài liệu sau trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi việc bổ nhiệm nhân sự có hiệu lực:
  - Các cam kết liên quan đến việc nắm giữ cổ phiếu (nếu có) của nhân sự mới;
  - Danh sách người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế này.

2.2. Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu được công bố theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

Ngoài ra, trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, công ty quản lý quỹ phải nộp cho SGDCK các tài liệu sau của quỹ đầu tư đại chúng dạng đóng niêm yết:

- a. Một (01) bản tóm tắt danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế này
  - b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel (file.xls hoặc file.xlsx...) danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu.
3. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết theo quy định tại Điều 24 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

#### **Chương 4.**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

#### **Điều 12. Công bố thông tin của công ty đầu tư chứng khoán niêm yết**

Công ty đầu tư chứng khoán niêm yết tại SGDCK công bố thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư 52/2012/TT-BTC; Thông tư 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán và Chương III Quy chế này.

#### **Chương 5.**

### **CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết và nhóm người có liên quan**

1. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn của tổ chức niêm yết, nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết và nhóm người có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư 52/2012/TT-BTC.
2. Việc thay đổi số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư 52/2012/TT-BTC được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%, 9%... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).
3. Thời điểm bắt đầu hoặc kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ hoặc thời điểm thay đổi số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu trên được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

#### **Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng**

1. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

#### **Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ và nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan**



1. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ và nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

2. Trường hợp đối tượng công bố thông tin là người có liên quan của cổ đông nội bộ, nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng niêm yết và người được ủy quyền công bố thông tin đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

#### **Điều 16. Trách nhiệm công bố thông tin của công ty quản lý quỹ khi thực hiện hoạt động ủy thác đầu tư**

Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư 52/2012/TT-BTC cụ thể như sau:

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Quy chế này trong trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ủy thác do mình quản lý là cổ đông lớn.

2. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này trong trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ủy thác do mình quản lý là cổ đông nội bộ.

#### **Điều 17. Công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan**

Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC đồng thời thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin về các giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Chương II và các quy định khác của Thông tư 213/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### **Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ**

Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư 130/2012/TT-BTC ngày 10/8/2012 hướng dẫn việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng; điểm 1.5 Khoản 1 và điểm 2.1 Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

#### **Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định tại Chương 4 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 10 và Điều 19 Thông tư 204/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng.

Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến giao dịch chào mua công khai thực hiện công bố thông tin như sau:

1. Tổ chức niêm yết là công ty mục tiêu, công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đầu tư mục tiêu công bố thông tin về việc chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và Điều 44 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết thực hiện công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và điểm b Khoản 1 Điều 19 Thông tư 204/2012/TT-BTC.

3. Công bố thông tin điều chỉnh giá chào mua công khai thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và phải được công bố đến SGDCK ít nhất bảy (07) ngày trước khi kết thúc đợt chào mua.

4. Việc rút lại đề nghị chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định 58/2012/NĐ-CP. Bên chào mua chứng khoán đang niêm yết phải thực hiện:

4.1. Báo cáo UBCKNN, SGDCK (trong trường hợp tổ chức chào mua chứng khoán là tổ chức niêm yết) việc rút lại đề nghị chào mua chứng khoán đang niêm yết.

4.2. Công bố thông tin việc rút lại đề nghị chào mua công khai sau khi được UBCKNN chấp thuận.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết phải thông báo đến UBCKNN, SGDCK đồng thời công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua công khai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai theo quy định tại Điều 51 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

6. Công bố thông tin về kết quả chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải thực hiện báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo mẫu quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư 204/2012/TT- BTC.

#### **Điều 20. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán của tổ chức niêm yết**

1. Công bố thông tin về chào bán chứng khoán riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 7 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

2. Công bố thông tin về chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Điều 24, Điều 25 Thông tư 204/2012/TT-BTC.

3. Công bố thông tin về chào bán chứng khoán tại nước ngoài của tổ chức niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư 204/2012/TT-BTC.

4. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết có chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 66, Khoản 2 Điều 68 và Điều 69 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

#### **Điều 21. Công bố thông tin đối với một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của tổ chức niêm yết**

1. Tổ chức niêm yết phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 19 Thông tư 130/2012/TT-BTC.

2. Tổ chức niêm yết phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 23 Thông tư 130/2012/TT-BTC.

3. Tổ chức niêm yết phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 27 Thông tư 130/2012/TT-BTC.

#### **Chương 6.**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN THÀNH VIÊN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NIÊM YẾT**

#### **Điều 22. Công bố thông tin định kỳ**

Công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ niêm yết công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 18 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Ngoài ra, việc công bố thông tin báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng, báo cáo thường niên và báo cáo tình hình quản trị công ty của công ty chứng khoán thành viên được thực hiện như sau:

1. Báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng:

1.1. Công ty chứng khoán thành viên công bố thông tin Báo cáo tài chính năm kiểm toán và báo cáo tài chính bán niên soát xét theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 và Khoản 2 Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì công ty chứng khoán thành viên phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

1.2. Công ty chứng khoán thành viên công bố thông tin Báo cáo tài chính quý theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

1.3. Công ty chứng khoán thành viên công bố thông tin Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng soát xét theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

2. Công ty chứng khoán thành viên công bố thông tin Báo cáo thường niên theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

3. Báo cáo tình hình quản trị công ty: Công ty chứng khoán thành viên công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ sáu (06) tháng đầu năm tài chính và cả năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Công ty chứng khoán thành viên phải gửi cho SGDCK bản báo cáo tình hình quản trị công ty bao gồm:

3.1. Văn bản đầy đủ và hợp lệ kèm theo file dữ liệu điện tử để báo cáo UBCKNN, SGDCK: nội dung cung cấp đầy đủ thông tin theo mẫu Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC.

3.2. Một (01) file dữ liệu điện tử để công bố thông tin ra thị trường: nội dung như file dữ liệu điện tử tại điểm 3.1 Khoản này nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân liên quan đến cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này (tại Mục III và Khoản 1 Mục IV Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC) bao gồm: Tài khoản giao dịch chứng khoán, số Chứng minh nhân dân/số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ.

3.3. Danh sách thay đổi người có liên quan của công ty chứng khoán thành viên tại Mục III Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC bao gồm: danh sách thay đổi trong kỳ báo cáo của cổ đông nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này (bao gồm cả trường hợp không nắm giữ cổ phiếu của công ty chứng khoán).

3.4. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan tại Khoản 1 Mục IV Phụ lục III kèm theo Thông tư 52/2012/TT-BTC bao gồm: danh sách cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này tại thời điểm báo cáo (bao gồm cả trường hợp không nắm giữ cổ phiếu của công ty chứng khoán).

4. Công ty chứng khoán thành viên phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông, việc chào bán chứng khoán (đối với công ty chứng khoán thành viên là công ty chứng khoán cổ phần)/họp Hội đồng thành viên, việc phát hành trái phiếu công ty (đối với công ty chứng khoán thành viên là công ty chứng khoán trách nhiệm hữu hạn) và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 7 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

### **Điều 23. Công bố thông tin bất thường**

Công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ niêm yết phải công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 19 Thông tư 52/2012/TT-BTC. Đối với các sự kiện quy định tại Điều 19 Thông tư 52/2012/TT-BTC cần có sự chấp thuận của UBCKNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, việc thực hiện công bố thông tin tính từ thời điểm công ty chứng khoán thành viên/công ty quản lý quỹ niêm yết nhận được văn bản chấp thuận từ UBCKNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

Ngoài ra, công ty chứng khoán thành viên phải thực hiện công bố thông tin như sau:

1. Khi công bố thông tin theo quy định tại điểm 1.5 Khoản 1 Điều 19 Thông tư 52/2012/TT-BTC và Khoản 4 Điều 22 Quy chế này, công ty chứng khoán thành viên phải gửi đồng thời cho SGDCK Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

2. Khi có thay đổi nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm 1.7 Khoản 1 Điều 19 Thông tư 52/2012/TT-BTC, công ty chứng khoán thành viên phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định đồng thời gửi cho SGDCK các tài liệu sau:

2.1. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc Quyết định bổ nhiệm/miễn nhiệm/thay đổi nhân sự.

2.2. Bản Thông tin cá nhân theo mẫu Phụ lục IV kèm theo Thông tư 210/2012/TT-BTC và bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của nhân sự mới.

3. Khi công bố thông tin theo quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 và 1.8 Khoản 1 Điều 19 Thông tư 52/2012/TT-BTC, công ty chứng khoán thành viên phải gửi đồng thời cho SGDCK văn bản chấp thuận từ UBCKNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

#### **Điều 24. Công bố thông tin theo yêu cầu**

Công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ đại chúng niêm yết thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 20 Thông tư 52/2012/TT-BTC

#### **Điều 25. Trường hợp khác phải công bố thông tin**

1. Công ty chứng khoán thành viên phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 21 Thông tư 52/2012/TT-BTC.

2. Đối với công ty chứng khoán thành viên là công ty chứng khoán niêm yết trên SGDCK, ngoài các nghĩa vụ công bố thông tin đã nêu tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 và khoản 1 Điều 25 Quy chế này, còn phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Đối với công ty quản lý quỹ niêm yết trên SGDCK, ngoài các nghĩa vụ công bố thông tin đã nêu tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Quy chế này, còn phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Chương II Quy chế này.

#### **Chương 7.**

### **XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 26. Thẩm quyền xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 52/2012/TT-BTC và quy định khác do SGDCK ban hành.

2. SGDCK có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin được quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 27. Các hình thức xử lý vi phạm của SGDCK**

1. Các hình thức xử lý vi phạm bao gồm:

Các đối tượng công bố thông tin ngoại trừ công ty chứng khoán thành viên không phải là tổ chức niêm yết tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo các hình thức như sau:

1.1. Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường;

1.2. Đưa chứng khoán vào diện cảnh báo;

1.3. Đưa chứng khoán vào diện kiểm soát;

1.4. Tạm ngừng giao dịch;

1.5. Hủy niêm yết cổ phiếu

2. Đối với công ty chứng khoán thành viên: việc xử lý vi phạm và công bố thông tin về xử lý vi phạm trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK được thực hiện theo Quy chế Thành viên giao dịch và/ hoặc quy định khác do SGDCK ban hành.

3. Các hình thức xử lý vi phạm nêu tại Khoản 1 Điều này sẽ được công bố trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK và báo cáo UBCKNN.

#### **Chương 8.**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 28. Điều khoản thi hành**

1. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các đối tượng công bố thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng nêu tại Điều 1 Quy chế này chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong

Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng nêu tại Điều 1 Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua và có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

**FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN**



Bieu mau